Ký bởi: CÔNG BÁO NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Cơ quan: VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ
Ngày ký: 2026-07-17 08:11:55 +07:00

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Số: 16/2026/TT-BVHTTDL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 23 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ
Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám định di vật, cổ vật

Căn cứ Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 84/2025/QH15, Luật số 112/2025/QH15 và Luật số 116/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa;

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám định di vật, cổ vật.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước giám định di vật, cổ vật, bao gồm: giám định di vật, cổ vật phục vụ công tác quản lý và các hoạt động của bảo tàng; tổ chức hoạt động giám định di vật, cổ vật theo đề nghị hoặc đơn đặt hàng của cá nhân, tổ chức phục vụ nhiệm vụ quản lý nhà nước (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công).

2. Đối tượng áp dụng:

a) Bảo tàng công lập quy định tại điểm a khoản 1 Điều 64 Luật Di sản văn hóa và cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật quy định tại khoản 1 Điều 79 Luật Di sản văn hóa sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám định di vật, cổ vật

Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ giám định di vật, cổ vật được quy định chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công trong các bảng định mức được xác định theo nguyên tắc sau:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức xác định theo quy định tại Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa (Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL); Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa, thư viện, văn hóa cơ sở, thể dục thể thao, mỹ thuật, nghệ thuật biểu diễn, điện ảnh và tuyên truyền viên văn hóa (Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL); Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch (Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL);

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL; Thông tư số 15/2025/TT-BVHTTDL và Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này;

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động đang làm việc tại bảo tàng, cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật không như quy định tại điểm a và điểm b khoản này, cơ quan chủ quản của bảo tàng công lập, cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc của chức danh lao động đang

làm việc và tính mức hao phí theo thực tế bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá tổng định mức hao phí nhân công đối với dịch vụ tương ứng.

3. Các chi phí khác phục vụ hoạt động cung cấp dịch vụ sự nghiệp công được thực hiện như sau:

a) Chi phí chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan, dịch tài liệu, điện, điện thoại giao dịch, công tác phí, sử dụng cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm quản trị bảo tàng, phần mềm, máy móc và thiết bị chuyên dụng, văn phòng phẩm, các chi phí quản lý, hoạt động chuyên môn dùng chung, hỗ trợ dịch vụ của đơn vị và các chi phí phát sinh khác, thì bảo tàng công lập, cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật áp dụng theo mức đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành hoặc lập dự toán riêng đối với công đoạn phát sinh ngoài định mức này để trình cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước;

b) Trường hợp thuê chuyên gia tư vấn, thực hiện theo Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

c) Các khoản chi phí thực tế, các dịch vụ thuê mướn, mua bán khác thực hiện theo quy định pháp luật về ngân sách nhà nước. Đối với các nội dung chi trả dịch vụ nếu thuộc hạn mức phải đấu thầu thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

Điều 4. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn của dịch vụ sự nghiệp công, được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (08 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng 15% tổng hao phí lao động trực tiếp trong cùng bảng định mức;

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để hoàn thành việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng trên tổng thời gian khấu hao máy với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động;

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao

phí vật liệu phụ được tính bằng 10 % tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Mô tả nội dung công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, bao gồm:

- Định mức hao phí nhân công: Chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Định mức hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số của thời gian thực hiện thực tế trên hao phí nhân công, máy móc, thiết bị sử dụng, vật liệu sử dụng trong quá trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn cách tính định mức trong điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) hoặc để hoàn thành một khối lượng công việc khác với đơn vị tính tại Bảng định mức.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, bộ, ngành, cơ quan tổ chức trung ương, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với điều kiện của đơn vị cung cấp dịch vụ sự nghiệp công thuộc phạm vi quản lý.

2. Bảo tàng công lập, cơ sở kinh doanh giám định di vật, cổ vật sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công căn cứ điều kiện thực tế để đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

3. Khuyến khích bảo tàng, cơ quan, tổ chức ngoài công lập có triển khai cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng định mức kinh tế - kỹ thuật tại Thông tư này.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 8 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Lâm Thị Phương Thanh

Phụ lục
ĐỊNH MỨC KINH TẾ KỸ THUẬT
DỊCH VỤ GIÁM ĐỊNH DI VẬT, CỔ VẬT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 16 /2026/TT-BVHTTDL ngày 23 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng, bậc viên chức tham gia
I	**Tiếp nhận yêu cầu giám định**	
1	Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giám định	Hạng III bậc 2 hoặc tương đương
2	Đánh giá sơ bộ Hồ sơ đề nghị giám định di vật, cổ vật, đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận giám định	Hạng II bậc 3 hoặc tương đương
3	Văn bản từ chối hồ sơ yêu cầu giám định trong trường hợp di vật, cổ vật không đủ điều kiện giám định	Hạng III bậc 2 hoặc tương đương
4	Bàn giao và lưu giữ di vật, cổ vật tại cơ sở giám định	Hạng III bậc 6 hoặc tương đương
II	**Chuẩn bị thực hiện giám định**	
1	Tổ chức hoạt động của chuyên gia giám định	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
III	**Thực hiện giám định**	
1	Lập hồ sơ tài liệu, tư liệu phục vụ giám định di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
2	Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến di vật, cổ vật	Hạng II bậc 3 hoặc tương đương
3	Chuyên gia giám định thực hiện giám định và thống nhất kết quả giám định di vật, cổ vật	Hạng II bậc 6 hoặc tương đương
4	Lập Biên bản giám định	Hạng II bậc 3 hoặc tương đương
5	Bảo quản di vật vật, cổ vật	Hạng III bậc 6 hoặc tương đương
6	Đóng gói di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
IV	**Kết luận giám định**	
1	Lập văn bản kết luận giám định di vật, cổ vật	Hạng II bậc 6 hoặc tương đương
V	**Bàn giao kết luận giám định di vật, cổ vật và bàn giao di vật, cổ vật cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định**	
1	Bàn giao kết luận giám định di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3

		hoặc tương đương
2	Bàn giao di vật, cổ vật cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
3	Thanh lý Hợp đồng giám định bảo đảm đúng quy định của pháp luật liên quan	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
VI	**Lập hồ sơ, lưu trữ hồ sơ giám định**	
1	Lập hồ sơ lưu trữ tài liệu, tư liệu giám định di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
2	Lưu trữ Hồ sơ giám định di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương
3	Số hóa Hồ sơ giám định di vật, cổ vật	Hạng III bậc 3 hoặc tương đương

B. Bảng định mức

Đơn vị tính: 01 di vật, cổ vật

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
I	**Nhân công**		
1	**Lao động trực tiếp**		
1.1	**Tiếp nhận yêu cầu giám định**		
-	Tiếp nhận hồ sơ yêu cầu giám định	Công	0,5
-	Đánh giá sơ bộ Hồ sơ đề nghị giám định di vật, cổ vật, đảm bảo hồ sơ đủ điều kiện tiếp nhận giám định	Công	1
-	Văn bản từ chối hồ sơ yêu cầu giám định trong trường hợp di vật, cổ vật không đủ điều kiện giám định	Công	0,5
-	Bàn giao và lưu giữ di vật, cổ vật tại cơ sở giám định	Công	0,5
1.2	**Chuẩn bị thực hiện giám định**		
-	Tổ chức hoạt động của chuyên gia giám định	Công	2
1.3	**Thực hiện giám định**		
-	Lập hồ sơ tài liệu, tư liệu phục vụ giám định di vật, cổ vật	Công	1
-	Nghiên cứu hồ sơ, tài liệu liên quan đến di vật, cổ vật	Công	1

-	Chuyên gia giám định thực hiện giám định và thống nhất kết quả giám định di vật, cổ vật	Công	22
-	Lập Biên bản giám định	Công	0,5
-	Bảo quản di vật, cổ vật	Công	0,5
-	Đóng gói di vật, cổ vật	Công	0,5
1.4	**Kết luận giám định**		
-	Lập văn bản kết luận giám định di vật, cổ vật	Công	0,5
1.5	**Bàn giao kết luận giám định di vật, cổ vật và bàn giao di vật, cổ vật cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định**		
-	Bàn giao kết luận giám định di vật, cổ vật	Công	0,5
-	Bàn giao di vật, cổ vật cho tổ chức, cá nhân đề nghị giám định	Công	0,5
-	Thanh lý Hợp đồng giám định bảo đảm đúng quy định của pháp luật liên quan	Công	1
1.6	**Lập hồ sơ, lưu trữ hồ sơ giám định**		
-	Lập hồ sơ lưu trữ tài liệu, tư liệu giám định di vật, cổ vật	Công	1
-	Lưu trữ Hồ sơ giám định di vật, cổ vật	Công	0,5
-	Số hóa Hồ sơ giám định di vật, cổ vật	Công	3
2	**Lao động gián tiếp (tương đương 15%)**		
II	**Máy móc, thiết bị sử dụng**		
-	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
-	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
-	Máy scan	Ca	Theo thực tế
-	Máy chụp ảnh	Ca	Theo thực tế
III	**Vật liệu sử dụng**		
-	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
-	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
-	Cặp tài liệu hồ sơ lưu A4	Chiếc	Theo thực tế
-	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
-	Giấy gói hiện vật (giấy free acid khổ A0)	Tờ	Theo thực tế
-	Dây buộc bao gói hiện vật (loại dây free acid)	m	Theo thực tế
-	Vật liệu phụ (***tương đương 10%)***		

Ghi chú:

- Kinh phí chi công tác thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị và Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

- Kinh phí làm các xét nghiệm, phân tích thành phần, chất liệu đúng nội dung phục vụ giám định theo hợp đồng thực tế.

- Kinh phí thuê xét nghiệm hoặc đánh giá chuyên môn do tổ chức, cá nhân khác thực hiện phục vụ giám định (nếu cần) theo hợp đồng thực tế.

- Kinh phí thuê xe vận chuyển di vật, cổ vật khi đưa đi xét nghiệm, thực nghiệm tại cơ sở ngoài theo hợp đồng thực tế.

- Các thiết bị máy đo độ ẩm, đo nhiệt độ, máy điều hòa không khí hoặc các máy móc, trang thiết bị phải vận hành liên tục 24/24 giờ với tần suất 7 ngày/tuần, căn cứ điều kiện thực tiễn, áp dụng tính hao phí theo quy định tại Thông tư số 141/2025/TT-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp hoặc quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan./.